

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH  
**SỞ TÀI CHÍNH**

Số: 77 /STC-QLNS  
V/v báo cáo đánh giá tình hình  
thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu  
trách nhiệm và kết quả thực  
hiện Luật Thực hành tiết kiệm,  
chống lãng phí năm 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 10 tháng 01 năm 2019



Kính gửi: UBND các huyện, thị xã, thành phố

Ký bởi: Sở Tài chính  
Email:  
vanphong@stc.binhdin  
h.gov.vn  
Cơ quan: Tỉnh Bình  
Định

Căn cứ các quy định:

- Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập (nay là Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ);

- Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

- Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính quy định tiêu chí đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong chi thường xuyên;

- Công văn số 572/UBND-TH ngày 01/02/2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính quy định tiêu chí đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong chi thường xuyên;

- Công văn số 31/UBND-TH ngày 03/01/2019 của UBND tỉnh về việc tham mưu báo cáo kết quả thực hiện Luật THTK, CLP năm 2018;

Để có cơ sở tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện các quy định nêu trên trong năm 2018, Sở Tài chính đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện một số nội dung sau:

1. Nội dung báo cáo

- Tổng hợp tình hình thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 và Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn trong năm 2017 (theo Phụ lục số 06 kèm theo Thông tư số 113/2007/TT-BTC ngày 24/9/2007 của Bộ Tài chính và Mẫu số 07 kèm theo Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ được đăng trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính tại địa chỉ: <http://stc.binhdin.gov.vn>).

- Báo cáo kết quả thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2018 theo các nội dung quy định tại Chương 2 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 và yêu cầu tại mục 2.2 Công văn số 16213/BTC-TTr ngày

26/12/2018 của Bộ Tài chính về việc báo cáo thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong năm 2018.

Ngoài ra, căn cứ Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính quy định tiêu chí đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong chi thường xuyên, các huyện, thị xã, thành phố phải thực hiện việc thẩm định kết quả thực hiện việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của các cơ quan chuyên môn và UBND các xã, phường, thị trấn do mình quản lý và tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính) cùng với báo cáo kết quả thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2018 để Sở Tài chính thẩm định theo quy định tại Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính và Công văn số 572/UBND-TH ngày 01/02/2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính. Trong đó:

+ Đơn vị sử dụng ngân sách là cơ quan nhà nước có trách nhiệm đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của cơ quan mình theo Phụ lục số 01-A ban hành kèm theo Thông tư số 129/2017/TT-BTC;

+ Đơn vị sử dụng ngân sách là đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của đơn vị mình theo Phụ lục số 01-B ban hành kèm theo Thông tư số 129/2017/TT-BTC;

+ Các đơn vị dự toán ngân sách có đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực thuộc có trách nhiệm đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị mình theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 129/2017/TT-BTC.

+ Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của đơn vị mình theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 129/2017/TT-BTC;

+ Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của đơn vị mình theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 129/2017/TT-BTC.

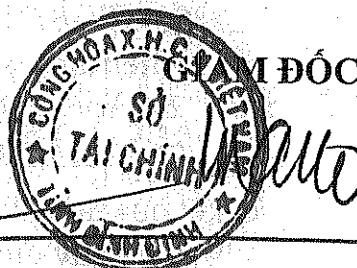
## 2. Thời hạn gửi báo cáo

Báo cáo gửi về Sở Tài chính trước ngày 10/02/2019; đồng thời gửi vào hộp thư điện tử: [ns@stc.binhdinhh.gov.vn](mailto:ns@stc.binhdinhh.gov.vn). Đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các đơn vị trực thuộc báo cáo đúng thời gian, biểu mẫu và số liệu theo các phụ lục kèm theo.

Sở Tài chính đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, DNTH, QLNS.



Lê Hoàng Nghi



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUYỀN TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ TÀI CHÍNH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 43/2006/NĐ-CP NGÀY 25/4/2006 CỦA CHÍNH PHỦ**

**I. Về tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ- CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ:**

1. Công tác phổ biến, tập huấn nội dung Nghị định số 43/2006/NĐ- CP và các văn bản liên quan; nội dung và kế hoạch triển khai thực hiện.

2. Tình hình thực hiện giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập; trong đó: số đơn vị sự nghiệp Giáo dục đào tạo; Y tế; Văn hóa Thông tin, Thể dục thể thao; Sự nghiệp khác.

b) Tổng số đơn vị đã giao tự chủ tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 43/2006/NĐ- CP:

- Phân loại:

+ Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động;

+ Đơn vị tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động;

+ Đơn vị do NSNN bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động.

- Kinh phí:

+ Kinh phí tự chủ (đối với đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động);

+ Kinh phí NSNN cấp thực hiện tự chủ (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động và đơn vị do NSNN bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động).

*( Chi tiết theo biểu kèm theo)*

3. Tình hình xây dựng và thực hiện các tiêu chí đánh giá và mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

4. Tình hình phân cấp về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

5. Tình hình ban hành các tiêu chuẩn, định mức chi, định mức kinh tế kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý.

**II. Kết quả thực hiện giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp công lập:**

1. Tình hình xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của các đơn vị sự nghiệp:

- Số các đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ ...../Tổng số đơn vị được giao quyền tự chủ (đạt tỷ lệ %);

- Các giải pháp thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ

2. Tình hình huy động vốn:

- Số đơn vị có huy động vốn để sử dụng hoạt động dịch vụ .... đơn vị/ so với tổng số đơn vị được giao tự chủ;

+ Số vốn huy động được... triệu đồng (trong đó: huy động của cán bộ công nhân viên... triệu đồng), vay vốn của các tổ chức tín dụng.... triệu đồng).

+ Đơn vị có số vốn huy động cao nhất .... triệu đồng, mục đích huy động (tên đơn vị);

+ Đơn vị có vốn huy động thấp nhất ... triệu đồng (tên đơn vị).

- Các giải pháp huy động vốn.

3. Tình hình thực hành tiết kiệm chi và tăng thu:

- Tiết kiệm kinh phí hoạt động thường xuyên:

+ Số đơn vị tiết kiệm ...../ so với tổng số đơn vị giao tự chủ (đạt tỷ lệ .. %)

+ Số kinh phí tiết kiệm được..... triệu đồng; tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với dự toán được giao ... %.

+ Đơn vị có số kinh phí tiết kiệm cao nhất .... triệu đồng (tên đơn vị)

+ Đơn vị có số kinh phí tiết kiệm thấp nhất.... triệu đồng (tên đơn vị)

- Số tăng thu .... triệu đồng, so với năm trước tăng ... triệu đồng (tăng %)

+ Đơn vị có số tăng thu cao nhất ..... triệu đồng (tên đơn vị)

+ Đơn vị có số thu thấp nhất .... triệu đồng (tên đơn vị)

- Các giải pháp tăng thu, tiết kiệm chi.

4. Tình hình bố trí, sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế

5. Tình hình thu nhập tăng thêm người lao động:

- Số đơn vị có hệ số thu nhập tăng thêm dưới 1 lần

- Số đơn vị có hệ số thu nhập tăng thêm từ trên 1 đến 2 lần:

- Số đơn vị có hệ số thu nhập tăng thêm từ trên 2 đến 3 lần:

- Số đơn vị có hệ số thu nhập tăng thêm từ trên 3 lần trở lên :

Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm cao nhất là ....đ/tháng (tên đơn vị )

Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm thấp nhất là ... đ/tháng (tên đơn vị)

6. Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị:

Người lập báo cáo

(Ký tên)

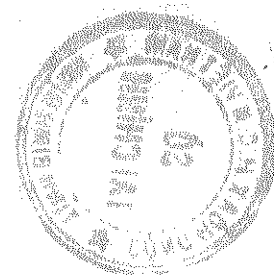
... Ngày ... tháng ... năm. .

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

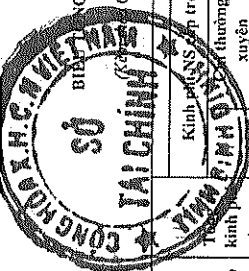
(Ký tên đóng dấu)

(Kèm theo Công văn số **77** /STC-QLNS ngày **40** /01/2019 của Sở Tài chính)

| Trong đó: đơn vị đã thực hiện giao tự chủ theo ND số 43/2006/NĐ-CP |                              |                          |                |                              |                 |                               |                 |                                 |                 |
|--------------------------------------------------------------------|------------------------------|--------------------------|----------------|------------------------------|-----------------|-------------------------------|-----------------|---------------------------------|-----------------|
| STT                                                                | Tên đơn vị                   | Tổng số đơn vị sự nghiệp | Tổng số đơn vị | Trong đó                     |                 |                               |                 |                                 |                 |
|                                                                    |                              |                          |                | Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ CP |                 | Đơn vị tự bảo đảm một phần CP |                 | Đơn vị NSNN cấp toàn bộ chi phí |                 |
|                                                                    |                              |                          |                | Số lượng đơn vị              | Kinh phí tự chủ | Số lượng đơn vị               | Kinh phí tự chủ | Trong đó: NS cấp (tr.đồng)      | Số lượng đơn vị |
|                                                                    | Tổng số                      |                          |                |                              |                 |                               |                 |                                 |                 |
| 1                                                                  | Sự nghiệp giáo dục - đào tạo |                          |                |                              |                 |                               |                 |                                 |                 |
|                                                                    | Chi tiết đơn vị              |                          |                |                              |                 |                               |                 |                                 |                 |
| 2                                                                  | Sự nghiệp y tế               |                          |                |                              |                 |                               |                 |                                 |                 |
|                                                                    | Chi tiết đơn vị              |                          |                |                              |                 |                               |                 |                                 |                 |
| 3                                                                  | Sự nghiệp văn hóa thông tin  |                          |                |                              |                 |                               |                 |                                 |                 |
|                                                                    | Chi tiết đơn vị              |                          |                |                              |                 |                               |                 |                                 |                 |
| 4                                                                  | Sự nghiệp TDTT               |                          |                |                              |                 |                               |                 |                                 |                 |
|                                                                    | Chi tiết đơn vị              |                          |                |                              |                 |                               |                 |                                 |                 |
| 5                                                                  | Sự nghiệp khác               |                          |                |                              |                 |                               |                 |                                 |                 |
|                                                                    | Chi tiết đơn vị              |                          |                |                              |                 |                               |                 |                                 |                 |

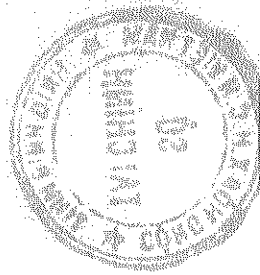


BẢNG HỢP KẾT QUA THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH 43/2006/NĐ-CP  
CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP NĂM 2018  
Công văn số **77-STC-Q/LNS** ngày **10/01/2018** của Sở Tài chính



| STT | Tên đơn vị                                                    | Biên chế lao động |            |            | Quỹ tiền lương cấp bậc chức vụ trong năm (tr.đồng) | Kính gửi UBND tỉnh |                     |                        | Thu sự nghiệp |                        |                        |                        |                        |                        | Tổng thu nhập tăng thêm |                        | Trích lập Quỹ*         |           |                                       |                                            |                                        |                   |                        |
|-----|---------------------------------------------------------------|-------------------|------------|------------|----------------------------------------------------|--------------------|---------------------|------------------------|---------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|------------------------|-----------|---------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------|------------------------|
|     |                                                               | Tổng số người     | Biên chế   |            |                                                    | Tổng số            | Trong đó: chi lương | Chi không thường xuyên | T. số         | Thu phí, lệ phí        |                        | Thu dịch vụ            |                        | Thu khác               |                         | TH năm trước (tr.đồng) | TH trong năm (tr.đồng) | Tổng cộng | Quỹ phát triển sự nghiệp (triệu đồng) | Quỹ dự phòng ổn định thu nhập (triệu đồng) | Quỹ khen thưởng, phúc lợi (triệu đồng) | Quỹ khác (nếu có) |                        |
|     |                                                               |                   | KH (người) | TH (người) |                                                    |                    |                     |                        |               | TH trong năm (tr.đồng) | TH trước năm (tr.đồng) | TH trong năm (tr.đồng) | TH trước năm (tr.đồng) | TH trong năm (tr.đồng) | TH trước năm (tr.đồng)  |                        |                        |           |                                       |                                            |                                        |                   | TH trong năm (tr.đồng) |
| 1   | 2                                                             | 3=5+6             | 4          | 5          | 6                                                  | 7                  | 8=9+11              | 9                      |               |                        |                        |                        |                        |                        |                         |                        |                        |           |                                       |                                            |                                        |                   | 21                     |
| I   | Đơn vị tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động                   |                   |            |            |                                                    |                    |                     |                        |               |                        |                        |                        |                        |                        |                         |                        |                        |           |                                       |                                            |                                        |                   |                        |
| 1   | Sự nghiệp giáo dục đào tạo                                    |                   |            |            |                                                    |                    |                     |                        |               |                        |                        |                        |                        |                        |                         |                        |                        |           |                                       |                                            |                                        |                   |                        |
| 2   | Chi tiết đơn vị                                               |                   |            |            |                                                    |                    |                     |                        |               |                        |                        |                        |                        |                        |                         |                        |                        |           |                                       |                                            |                                        |                   |                        |
| 3   | Sự nghiệp văn hóa thông tin                                   |                   |            |            |                                                    |                    |                     |                        |               |                        |                        |                        |                        |                        |                         |                        |                        |           |                                       |                                            |                                        |                   |                        |
| 4   | Chi tiết đơn vị                                               |                   |            |            |                                                    |                    |                     |                        |               |                        |                        |                        |                        |                        |                         |                        |                        |           |                                       |                                            |                                        |                   |                        |
| 5   | Sự nghiệp khác                                                |                   |            |            |                                                    |                    |                     |                        |               |                        |                        |                        |                        |                        |                         |                        |                        |           |                                       |                                            |                                        |                   |                        |
| II  | Đơn vị tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động                  |                   |            |            |                                                    |                    |                     |                        |               |                        |                        |                        |                        |                        |                         |                        |                        |           |                                       |                                            |                                        |                   |                        |
| 1   | Sự nghiệp giáo dục đào tạo                                    |                   |            |            |                                                    |                    |                     |                        |               |                        |                        |                        |                        |                        |                         |                        |                        |           |                                       |                                            |                                        |                   |                        |
| 2   | Chi tiết đơn vị                                               |                   |            |            |                                                    |                    |                     |                        |               |                        |                        |                        |                        |                        |                         |                        |                        |           |                                       |                                            |                                        |                   |                        |
| 3   | Sự nghiệp văn hóa thông tin                                   |                   |            |            |                                                    |                    |                     |                        |               |                        |                        |                        |                        |                        |                         |                        |                        |           |                                       |                                            |                                        |                   |                        |
| 4   | Chi tiết đơn vị                                               |                   |            |            |                                                    |                    |                     |                        |               |                        |                        |                        |                        |                        |                         |                        |                        |           |                                       |                                            |                                        |                   |                        |
| 5   | Sự nghiệp khác                                                |                   |            |            |                                                    |                    |                     |                        |               |                        |                        |                        |                        |                        |                         |                        |                        |           |                                       |                                            |                                        |                   |                        |
| III | Đơn vị sự nghiệp kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp |                   |            |            |                                                    |                    |                     |                        |               |                        |                        |                        |                        |                        |                         |                        |                        |           |                                       |                                            |                                        |                   |                        |
| 1   | Sự nghiệp giáo dục đào tạo                                    |                   |            |            |                                                    |                    |                     |                        |               |                        |                        |                        |                        |                        |                         |                        |                        |           |                                       |                                            |                                        |                   |                        |
| 2   | Sự nghiệp y tế                                                |                   |            |            |                                                    |                    |                     |                        |               |                        |                        |                        |                        |                        |                         |                        |                        |           |                                       |                                            |                                        |                   |                        |
| 3   | Sự nghiệp văn hóa thông tin                                   |                   |            |            |                                                    |                    |                     |                        |               |                        |                        |                        |                        |                        |                         |                        |                        |           |                                       |                                            |                                        |                   |                        |
| 4   | Sự nghiệp kinh tế                                             |                   |            |            |                                                    |                    |                     |                        |               |                        |                        |                        |                        |                        |                         |                        |                        |           |                                       |                                            |                                        |                   |                        |
| 5   | Sự nghiệp khác                                                |                   |            |            |                                                    |                    |                     |                        |               |                        |                        |                        |                        |                        |                         |                        |                        |           |                                       |                                            |                                        |                   |                        |
|     | Chi tiết đơn vị                                               |                   |            |            |                                                    |                    |                     |                        |               |                        |                        |                        |                        |                        |                         |                        |                        |           |                                       |                                            |                                        |                   |                        |

\* Trích lập quỹ PTSN, Quỹ phúc lợi: đối với đơn vị tự đảm bảo toàn bộ chi phí và đơn vị tự bảo đảm một phần chi phí; Chi đầu tư cơ sở vật chất, chi KT, PL đối với đơn vị NSNN bảo đảm toàn bộ chi phí



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢO CAO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP NGÀY 17/10/2005 VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 117/2013/NĐ-CP NGÀY 07/10/2013 CỦA CHÍNH PHỦ

## I. Đánh giá chung:

- Về thực hiện nhiệm vụ được giao, chất lượng, hiệu quả công việc, thời gian giải quyết công việc, quy trình xử lý công việc.
- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công việc (có đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn hay không).
- Về tư tưởng của cán bộ công chức trong cơ quan.

## II. Đánh giá cụ thể:

### 1. Về số lượng đơn vị thực hiện tự chủ:

- Cơ quan cấp huyện:
- + Số lượng cơ quan chuyên môn cấp huyện:
- + Số đơn vị được giao thực hiện tự chủ:
- + Số đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ:
- Cấp xã:
- + Số lượng xã:
- + Số đã được giao thực hiện tự chủ:
- + Số đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ:

### 2. Về kinh phí:

#### a) Kinh phí quản lý hành chính được giao (tổng số)

Trong đó:

- \* Kinh phí thực hiện tự chủ:..... đồng
- Số kinh phí thực hiện:..... đồng
- Số kinh phí tiết kiệm được:..... đồng
- + Tiết kiệm chi quỹ lương (do chưa tuyển đủ số biên chế được giao)
- + Tiết kiệm các khoản chi khác (ngoài quỹ lương)

Phân tích kỹ nguyên nhân tiết kiệm kinh phí:

- + Do tiết kiệm biên chế (tổng số biên chế được giao, số biên chế có mặt, số biên chế tiết kiệm được do chưa tuyển đủ, do tình gian biên chế, do về hưu, thôi việc...); do sắp xếp lại bộ máy (số phòng ban đầu năm báo cáo, số phòng, ban hiện có, số phòng, ban giảm...).
- + Do các nguyên nhân khác: Tiết kiệm chi hội nghị, hội thảo, công tác phí, điện, nước... - Số đơn vị thực hiện tiết kiệm được kinh phí:..... đơn vị
- Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí được giao:.....%

- Đơn vị có tỷ lệ tiết kiệm so với kinh phí được giao cao nhất: .....%
- \* Kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ ..... đồng
- \* Đối với việc thực hiện nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên đã giao kinh phí thực hiện chế độ tự chủ cần tổng hợp báo cáo theo một số nội dung:
- Nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên đã thực hiện.
- Nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên không thực hiện hoặc chưa thực hiện xong.
- \* Tình hình chấp hành chính sách, chế độ chi tiêu tài chính.

**b) Phân phối sử dụng kinh phí tiết kiệm được:**

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập dưới 0,1 lần..... đơn vị
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,1 - 0,2 lần..... đơn vị
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,2 - 0,3 lần..... đơn vị
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,3 - 0,4 lần..... đơn vị
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,4 - 0,5 lần..... đơn vị
- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm cao nhất là ..... d/tháng (tên đơn vị);
- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm thấp nhất là ..... d/tháng (tên đơn vị).

- Trích Quỹ và các khoản chi khác:

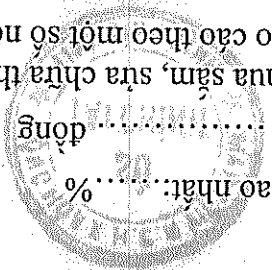
- + Quỹ dự phòng ổn định thu nhập
- + Chi khen thưởng
- + Chi phúc lợi
- + Các khoản chi khác

**3. Các biện pháp thực hành tiết kiệm:**

4. Nhưng khó khăn, tồn tại, kiến nghị:

**Người lập báo cáo**  
(Ký tên)

..., ngày... tháng... năm...  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên đóng dấu)





**TỔNG SỐ**

